TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Định.
2. Ông Nguyễn Hữu Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1990; CCCD số: 052190010857 (Vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ: thôn Tiên A, xã VQ, tỉnh Gia Lai

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1990; CCCD số: 052090011791 (Vắng mặt lần 02).

Địa chỉ: thôn Định T1, xã VQ, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết T trình bày: bà và ông Lê Văn Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện VT, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 06/7/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không có con chung, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra mà không thể hòa giải được. Vợ chồng đã không còn tình cảm

với nhau, không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Xét thấy không thể chung sống nữa nên bà yêu cầu được ly hôn ông Q.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là ông Lê Văn Q vắng mặt không có lý do: ông Lê Văn Q đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 08/01/2026 Công an xã VQ cung cấp: ông Lê Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Định T1, xã VQ, tỉnh Gia Lai; ông Lê Văn Q chưa chuyển khẩu đi nơi khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: bà Lê Thị Tuyết T được ly hôn ông Lê Văn Q. Về con chung: Không có con chung - miễn xét; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết T với ông Lê Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện VT, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 06/7/2016 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng chung sống lâu năm nhưng không có con chung, từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên, không thể hòa giải dược. Hai bên đã không còn tình cảm với nhau, phần ai nấy sống,

không còn quan tâm gì đến nhau. Vợ chồng xa cách đã lâu, nhưng hai bên vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: bà Lê Thị Tuyết T và ông Lê Văn Q chưa có con chung, không yêu cầu gì nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội: bà Lê Thị Tuyết T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí. Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng - tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết T:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết T được ly hôn ông Lê Văn Q.

- Về con chung: chưa có con chung không yêu cầu gì nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết T thuộc diện hộ nghèo được miễn án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000157 ngày 07/01/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai thu.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4;
- THA dân sự khu vực 4;
- UBND xã VQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam